

Số: 30 /2018/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình
Hội đồng nhân dân tỉnh và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ các vấn đề chung về pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu;
- Lưu: VT, NC, STP (7b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH



T. Thanh Hải

QUY CHẾ

**Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh
và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 30 /2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8
năm 2018 của UBND tỉnh Lai Châu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể một số nội dung về trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để trình Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Lai Châu ban hành theo thẩm quyền hoặc để UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) tỉnh Lai Châu ban hành, bao gồm:

a) Lập danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh và danh mục quyết định của UBND quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

b) Lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND do UBND tỉnh trình; soạn thảo, lấy ý kiến tham gia, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra và để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh;

c) Lập đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh; soạn thảo, lấy ý kiến tham gia, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định để trình UBND tỉnh ban hành.

2. Các nội dung khác liên quan đến trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sau đây gọi tắt là Luật) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong công tác xây dựng dự thảo nghị quyết để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Lai Châu ban hành theo quy định tại Điều 27 của Luật và trong công tác xây dựng dự thảo quyết định để trình UBND tỉnh Lai Châu ban hành theo quy định tại Điều 28 của Luật.

Điều 3. Nguyên tắc tham mưu, xây dựng văn bản

Việc tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị đề trình UBND tỉnh ban hành hoặc để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành phải đảm bảo các nguyên tắc chung sau đây:

1. Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

2. Đảm bảo phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động tham mưu, soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh.

3. Đảm bảo văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành phải có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, có tính hiệu lực, hiệu quả cao khi tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hình thức, nội dung văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh

1. Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh là văn bản do HĐND tỉnh Lai Châu ban hành dưới hình thức nghị quyết để quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại Điều 27 của Luật.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh là văn bản do UBND tỉnh Lai Châu ban hành dưới hình thức quyết định để quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quy định tại Điều 28 của Luật.

Điều 5. Thời điểm có hiệu lực, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh

1. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh phải tham mưu, dự kiến ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản để quy định cụ thể trong nghị quyết của HĐND tỉnh và trong quyết định của UBND tỉnh theo nguyên tắc ngày có hiệu lực không được sớm hơn 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua nghị quyết hoặc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành quyết định.

2. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo nghị quyết của HĐND và quyết định UBND tỉnh phải đảm bảo văn bản được soạn thảo theo thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định của Quy chế này.

Chương II

LẬP, BAN HÀNH DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI; PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI; LỆNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC

Điều 6. Đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh nghiên cứu văn bản của Sở Tư pháp gửi kèm theo văn bản thông báo của Bộ Tư pháp về các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho HĐND và UBND tỉnh quy định chi tiết để đề xuất, xác định danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh, danh mục quyết định của UBND tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành mình theo quy định sau đây:

a) Danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh và danh mục quyết định của UBND tỉnh đề quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên văn bản quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình dự thảo văn bản; *(theo mẫu số 01 và mẫu số 02 kèm theo)*.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh gửi Danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh và danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này kèm theo văn bản đề xuất về Sở Tư pháp để tổng hợp trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tư pháp.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo của Bộ Tư pháp về các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho HĐND và UBND tỉnh quy định chi tiết, Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Gửi văn bản kèm theo thông báo của Bộ Tư pháp về các nội dung giao cho HĐND và UBND tỉnh quy định chi tiết đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để nghiên cứu, đề xuất danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh và danh mục quyết định của UBND tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổng hợp đề xuất của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh để lập và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực HĐND quyết định ban hành danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổng hợp đề xuất của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh lập và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục quyết định của UBND quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

d) Danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo Quyết định của Thường trực HĐND tỉnh quy định tại Điểm b Khoản này và danh mục quyết định của UBND tỉnh kèm theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Điểm c

Khoản này do Sở Tư pháp soạn thảo, tổng hợp phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên văn bản quy định chi tiết, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời gian trình UBND tỉnh và HĐND tỉnh (theo mẫu số 03 và mẫu số 04 kèm theo).

3. Trách nhiệm của Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc lập và trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này;

b) Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục quyết định của UBND quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết

1. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết:

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo; trình văn bản quy định chi tiết đúng thời hạn đã được giao trong quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc quyết định của Thường trực HĐND tỉnh ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết;

b) Chậm nhất là ngày 23 hằng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết về Sở Tư pháp để theo dõi và tổng hợp. Chậm nhất là ngày 25 hằng tháng, Sở Tư pháp cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp;

c) Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời điểm trình ban hành văn bản quy định chi tiết thì hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, cơ quan chủ trì soạn thảo phải có văn bản đề nghị nêu rõ lý do, giải pháp, thời hạn thực hiện và gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tư pháp:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thì hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Hằng quý, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Chương III
XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT TRÌNH HĐND TỈNH
Mục 1

CÁC TRƯỜNG HỢP UBND TỈNH TRÌNH HĐND TỈNH BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Điều 8. Trách nhiệm trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết

Căn cứ vào tình hình thực tiễn nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành mình, khi xác định những nội dung thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh ban hành nghị quyết theo quy định tại Điều 27 của Luật, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;
2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;
3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;
4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH

Điều 9. Lập đề nghị xây dựng nghị quyết.

1. Trước khi tiến hành soạn thảo nghị quyết, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phải tham mưu UBND tỉnh lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh gửi Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Đề nghị xây dựng nghị quyết quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy chế này;

b) Đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước cấp trên, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phải tham mưu cho UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định, hồ sơ đề nghị bao gồm:

Công văn của cơ quan chuyên môn đề nghị UBND tỉnh;

Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; nội dung chính của nghị quyết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan

phối hợp; thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

c) Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại Điểm b Khoản này để trình UBND tỉnh xem xét, trình Trường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 8 của Quy chế này: Trước khi trình Trường trực HĐND tỉnh phải thực hiện theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 của Luật và quy định từ Điều 10 đến Điều 15 của Quy chế này.

Điều 10. Xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết

Khi tham mưu UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh để quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 8 của Quy chế này, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh phải xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Phương pháp đánh giá tác động của chính sách

1. Tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do.

2. Đánh giá tác động của chính sách theo phương pháp định lượng là phương pháp dựa trên các tính toán chi phí, lợi ích cụ thể do giải pháp thực hiện chính sách tạo ra đối với từng nhóm đối tượng chịu tác động của chính sách.

3. Đánh giá tác động của chính sách theo phương pháp định tính là phương pháp dựa trên các kết quả nghiên cứu nhằm nhận diện và phân tích tác động của giải pháp và các yếu tố ảnh hưởng của môi trường tự nhiên, xã hội đối với hành vi, quyền và lợi ích hợp pháp của các nhóm đối tượng khi thực hiện chính sách.

Điều 12. Lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm xác định rõ từng chính sách trong đề nghị cần xin ý kiến; địa chỉ tiếp nhận ý kiến và chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 114 của Luật để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 113 của Luật và Điều 10 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Cơ quan, đối tượng lấy ý kiến bao gồm:

a) Các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết;

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu;

d) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh có liên quan;

đ) Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp phải lấy ý kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết để lấy ý kiến gồm:

a) Tờ trình của cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết; (theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Quy chế này)

b) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Quy chế này)

c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

d) Đề cương dự thảo nghị quyết.

đ) Bản đánh giá tác động của thủ tục hành chính nếu đề nghị xây dựng nghị quyết có quy định chính sách liên quan đến thủ tục hành chính;

e) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Việc lấy ý kiến được cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết thực hiện bằng các hình thức sau đây:

a) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Khoản 2 đến cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này để lấy ý kiến trong thời gian ít nhất là 10 ngày;

b) Đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu và trên Trang thông tin điện tử của ngành (nếu có) trong thời gian ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

c) Trong trường hợp cần thiết cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết có thể tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng nghị quyết; tổ chức đối thoại trực tiếp về chính sách với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết.

4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Trường hợp đề nghị xây dựng nghị quyết có quy định chính sách liên quan đến thủ tục hành chính: Ngoài việc tham gia ý kiến đối với nội dung chính sách, Văn phòng UBND tỉnh cho ý kiến về quy định thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

5. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng nghị quyết nghiên cứu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

Điều 13. Thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Sau khi lấy ý kiến tham gia và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này, cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định gồm:

a) Công văn của cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết yêu cầu Sở Tư pháp thẩm định;

b) Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại Điều 12 của Quy chế này;

c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ yêu cầu thẩm định của cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại Khoản 1 Điều này. Trường hợp hồ sơ yêu cầu thẩm định không đầy đủ hoặc không đảm bảo theo quy định của pháp luật: Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp ban hành văn bản đề nghị cơ quan yêu cầu thẩm định bổ sung hồ sơ;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết. Trường hợp cần thiết, tổ chức các hội thảo, tọa đàm về đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

3. Thời hạn thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định. Nội dung thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết tập trung vào các vấn đề sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết;

b) Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng nghị quyết

d) Tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (nếu có);

đ) Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết nếu chính sách liên quan đến thủ tục

hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị xây dựng nghị quyết nếu chính sách liên quan đến vấn đề bình đẳng giới;

e) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng nghị quyết.

4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải được gửi đến cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định, thể hiện rõ ý kiến của Sở Tư pháp về nội dung thẩm định quy định tại Khoản 3 Điều này và về đề nghị xây dựng nghị quyết đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 115 của Luật. Trường hợp chưa đủ điều kiện trình UBND tỉnh, Sở Tư pháp phải nêu rõ lý do trong Báo cáo thẩm định.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết và cơ quan có liên quan trong việc thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết.

1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh:

a) Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; cử đại diện tham dự Hội đồng tư vấn thẩm định và các cuộc họp liên quan đến thẩm định theo đề nghị của Sở Tư pháp;

c) Bảo đảm sự tham gia của Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh trong quá trình lập đề nghị; nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý đề nghị trên cơ sở ý kiến thẩm định đề trình UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan:

Cử đại diện tham gia thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh do Sở Tư pháp thẩm định khi được yêu cầu.

Điều 15. Trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết

1. Sau khi nhận được báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết và giải trình về việc tiếp thu hoặc không tiếp thu, trình UBND tỉnh; đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đến Sở Tư pháp để theo dõi. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình UBND tỉnh bao gồm:

a) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh (theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Quy chế này);

b) Tài liệu quy định tại Điểm b và c Khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;

c) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp;

d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của cơ quan lập đề nghị.

2. Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết do cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh lập và trình quy định tại Khoản

1 Điều này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh đề xuất đưa vào chương trình phiên họp gần nhất của UBND tỉnh để UBND tỉnh xem xét, thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết.

Điều 16. Trình thường trực HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết

Sau khi UBND tỉnh thông qua các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết hoàn thiện hồ sơ để UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình Thường trực HĐND tỉnh gồm:

1. Tờ trình của UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh;
2. Các tài liệu quy định tại Điểm b và c Khoản 1 Điều 15 của Quy chế này;
3. Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của UBND tỉnh.

Mục 3

TRÁCH NHIỆM VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT

Điều 17. Soạn thảo dự thảo nghị quyết

1. Trường hợp đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 16 của Quy chế này được Thường trực HĐND tỉnh quyết định chấp thuận, Chủ tịch UBND tỉnh giao trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo nghị quyết.

2. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo nghị quyết quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 119 của Luật và quy định từ Điều 18 đến Điều 21 của Quy chế này.

Việc xây dựng dự thảo nghị quyết phải bảo đảm sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật đã giao quy định chi tiết nếu là nghị quyết được ban hành trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 hoặc phải bảo đảm sự thống nhất của dự thảo nghị quyết với các chính sách đã được thông qua trong quá trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết nếu là nghị quyết được ban hành trong trường hợp quy định tại Khoản 2, 3, và 4 Điều 8 của Quy chế này.

Điều 18. Lấy ý kiến tham gia dự thảo nghị quyết

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết xác định rõ những vấn đề, nội dung cần xin ý kiến để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 120 của Luật và Điều 25 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Cơ quan, đối tượng lấy ý kiến bao gồm:

- a) Các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết;
- b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lai Châu;

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh ;

d) Đối với dự thảo nghị quyết có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp: Phải lấy ý kiến của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp tỉnh Lai Châu.

đ) Đối với dự thảo nghị quyết có quy định về thủ tục hành chính: Ngoài việc lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan, cơ quan được giao chủ trì soạn thảo phải gửi lấy ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh về thủ tục hành chính theo quy định.

e) Các chuyên gia, nhà khoa học (nếu cần).

2. Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi lấy ý kiến tham gia bao gồm:

a) Công văn của cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết đề nghị các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến;

b) Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh của cơ quan chủ trì soạn thảo về dự thảo nghị quyết (theo mẫu số 08 ban hành kèm theo Quy chế này);

c) Dự thảo nghị quyết; (theo mẫu số 16 hoặc mẫu số 17 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

d) Bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính (nếu dự thảo nghị quyết có quy định về thủ tục hành chính khi được Luật giao).

3. Việc lấy ý kiến dự thảo nghị quyết được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện bằng các hình thức sau đây:

a) Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại Khoản 2 đến cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này để lấy ý kiến tham gia và phải đảm bảo thời gian ít nhất là 15 ngày kể từ ngày gửi công văn yêu cầu để các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến. Riêng đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì phải bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản;

b) Đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan soạn thảo (nếu có) trong thời gian ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến;

c) Trong trường hợp cần thiết cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết có thể tổ chức họp để lấy ý kiến tham gia của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

Trường hợp dự thảo nghị quyết có quy định về thủ tục hành chính: Ngoài việc tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo văn bản, Văn phòng UBND tỉnh cho ý kiến về quy định thủ tục hành chính trong dự thảo nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số

48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

Điều 19. Thẩm định dự thảo nghị quyết

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết nghiên cứu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo nghị quyết và hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết; gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định bao gồm:

- a) Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết;
- b) Tờ trình UBND tỉnh của cơ quan chủ trì soạn thảo về dự thảo nghị quyết;
- c) Dự thảo nghị quyết;
- d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- đ) Bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính *(nếu dự thảo nghị quyết có quy định về thủ tục hành chính khi được Luật giao)*;
- e) Bản chụp văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, trong đó có văn bản tham gia ý kiến về thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh *(nếu dự thảo nghị quyết có quy định về thủ tục hành chính khi được Luật giao)*;
- g) Tài liệu khác *(nếu có)*.

Tài liệu quy định tại Điểm a, b, c và đ Khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại có thể gửi bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

3. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày UBND tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại Khoản 2 Điều này đến Sở Tư pháp để thẩm định.

Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo nghị quyết; tổ chức thẩm định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, đúng quy định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản bổ sung hồ sơ của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ; thời gian thẩm định trong trường hợp này được tính từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Nội dung thẩm định; báo cáo thẩm định; trình tự, thủ tục thẩm định dự thảo nghị quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 121 của Luật và quy định tại Tiểu mục 3, Mục 2, Chương IV của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

5. Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết để trình UBND tỉnh.

Điều 20. Trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết

1. Chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Văn phòng UBND tỉnh. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình UBND tỉnh của cơ quan soạn thảo về dự thảo nghị quyết;
- b) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về dự thảo nghị quyết (theo mẫu số 09 ban hành kèm theo Quy chế này);
- c) Dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
- d) Báo cáo thẩm định dự thảo nghị quyết của Sở Tư pháp;
- đ) Báo cáo của cơ quan soạn thảo giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến thẩm định;
- e) Tài liệu quy định tại Điểm d, đ và g Khoản 2 Điều 19 của Quy chế này.

Tài liệu quy định từ Điểm a đến Điểm đ Khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

2. Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại Khoản 1 điều này, kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ dự thảo nghị quyết đã đầy đủ, hợp pháp: Đăng tải các tài liệu trong hồ sơ dự thảo kèm theo giấy mời dự họp phiên họp UBND tỉnh trong chuyên mục “THÔNG BÁO MỜI HỌP” trên Trang tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh để các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh khai thác, sử dụng tại phiên họp UBND tỉnh.

b) Trường hợp hồ sơ dự thảo nghị quyết chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều này: Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này.

Riêng đối với trường hợp hồ sơ dự thảo nghị quyết không có tài liệu quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này do cơ quan soạn thảo chưa gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này thì Văn phòng UBND tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để đưa ra khỏi chương trình phiên họp UBND và trả lại hồ sơ dự thảo để cơ quan chủ trì soạn thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản để trình UBND tỉnh vào phiên họp kế tiếp.

Điều 21. Gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết để Ban của HĐND tỉnh thẩm tra và chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết kỳ họp HĐND tỉnh

1. Căn cứ kết quả thảo luận, thông qua dự thảo nghị quyết tại phiên họp UBND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết để UBND tỉnh ký trình, gửi trước ngày 20/6 đến Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra để thẩm tra nếu dự thảo nghị quyết được trình tại kỳ họp thường lệ giữa năm của HĐND tỉnh và trước 20/11 nếu dự thảo nghị quyết được trình tại kỳ họp thường lệ cuối năm của HĐND tỉnh. Đối với kỳ họp bất thường của HĐND tỉnh, việc hoàn

thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết để UBND tỉnh gửi đến Ban của HĐND tỉnh thẩm tra được thực hiện theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

Hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi đến Ban của HĐND tỉnh thẩm tra được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 124 của Luật.

2. Căn cứ kết quả thẩm tra dự thảo nghị quyết của các Ban của HĐND tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và Văn phòng HĐND tỉnh chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết kỳ họp HĐND tỉnh theo chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh.

Chương IV

XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Điều 22. Các trường hợp UBND tỉnh ban hành Quyết định

Căn cứ vào tình hình thực tiễn nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành mình, khi xác định những nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh ban hành quyết định theo quy định tại Điều 28 của Luật, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quyết định đề quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

2. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

3. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.

Điều 23. Trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh

1. Căn cứ vào các nội dung được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc xuất phát từ nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong những trường hợp quy định tại Điều 22 của Quy chế này, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh:

a) Đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy chế này;

b) Đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật khác của cơ quan nhà nước cấp trên phải được các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện ngay sau khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản và giao cho UBND tỉnh quy định cụ thể, chi tiết và phải nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết, điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên gọi của quyết định, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời gian dự kiến trình UBND tỉnh ban hành;

c) Đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh trong những trường hợp quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 22 của Quy chế này phải được các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thực hiện định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm để Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, xây dựng chương trình công tác năm sau của UBND tỉnh hoặc được thực hiện khi có vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động quản lý.

Đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh trong trường hợp này phải nêu rõ cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành quyết định; tên gọi của quyết định; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của quyết định, nội dung chính của quyết định; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời gian dự kiến trình UBND tỉnh ban hành.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tổng hợp, xem xét, kiểm tra đề nghị xây dựng quyết định của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 24. Phân công soạn thảo quyết định và quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định của UBND tỉnh

1. Căn cứ đề nghị của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp soạn thảo quyết định theo các nguyên tắc sau:

a) Dự thảo quyết định điều chỉnh các quan hệ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành nào, ngành đó chịu trách nhiệm chủ trì soạn thảo; cơ quan chủ trì soạn thảo đồng thời sẽ là cơ quan trình UBND tỉnh dự thảo quyết định;

b) Dự thảo quyết định có phạm vi điều chỉnh rộng, phức tạp, liên quan đến nhiều ngành hoặc nhiều lĩnh vực ở địa phương thì Chủ tịch UBND tỉnh phân công cơ quan quản lý nhiều lĩnh vực liên quan đến dự thảo quyết định chủ trì soạn thảo.

2. Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định lựa chọn phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định của UBND tỉnh, bao gồm:

a) Thảo luận, xem xét, thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp của UBND tỉnh;

b) Gửi hồ sơ dự thảo quyết định xin ý kiến biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ phân công của Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Khoản 1 Điều này và quy định Điểm b Khoản 2 Điều 6 của Quy chế này có trách nhiệm tổ chức soạn thảo dự thảo quyết định đảm bảo chất lượng, thời gian, tuân thủ đầy đủ quy định trình tự, thủ tục của Luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này.

Điều 25. Lấy ý kiến tham gia vào dự thảo quyết định

1. Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao chủ trì soạn thảo quyết định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến tham gia vào dự thảo quyết định, hồ sơ dự thảo quyết định lấy ý kiến tham gia gồm:

a) Công văn của cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo quyết định đề nghị các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến;

b) Dự thảo Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định trình UBND tỉnh (theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Quy chế này);

c) Dự thảo quyết định (theo mẫu số 18 hoặc mẫu số 19 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP);

d) Bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính (nếu dự thảo quyết định có quy định về thủ tục hành chính do được Luật giao);

2. Đối tượng lấy ý kiến tham gia; hình thức lấy ý kiến tham gia; thời gian lấy ý kiến tham gia và trách nhiệm tham gia ý kiến vào dự thảo quyết định được thực hiện như lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo nghị quyết quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 18 của Quy chế này.

Điều 26. Thẩm định dự thảo quyết định

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định nghiên cứu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo quyết định và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định để gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

2. Hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định;

b) Dự thảo Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định trình UBND tỉnh;

c) Dự thảo quyết định đã được chỉnh lý sau khi tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Bản tổng hợp, giai trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

đ) Bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính (nếu dự thảo quyết định có quy định về thủ tục hành chính do được Luật giao);

e) Bản chụp văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, trong đó có văn bản tham gia ý kiến về thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu dự thảo quyết định có quy định về thủ tục hành chính do được Luật giao);

g) Tài liệu khác (nếu có).

Tài liệu quy định tại Điểm a, b, c, d và đ Khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại có thể gửi bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

3. Việc tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định, tổ chức thẩm định, nội dung thẩm định; báo cáo thẩm định; trình tự, thủ tục thẩm định dự thảo quyết

định được Sở Tư pháp thực hiện như đối với thẩm định dự thảo nghị quyết quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 19 của Quy chế này.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo quyết định và chuẩn bị hồ sơ dự thảo quyết định để trình UBND tỉnh.

Điều 27. Hồ sơ dự thảo quyết định trình UBND tỉnh; tiếp nhận, xử lý hồ sơ dự thảo quyết định trình UBND tỉnh.

1. Hồ sơ dự thảo quyết định trình UBND tỉnh gồm:

- a) Tờ trình UBND tỉnh của cơ quan soạn thảo về dự thảo quyết định;
- b) Dự thảo quyết định đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
- c) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- d) Báo cáo của cơ quan soạn thảo giải trình việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến thẩm định;

đ) Tài liệu quy định tại Điểm d, đ và g Khoản 2 Điều 26 của Quy chế này;

Tài liệu quy định từ Điểm a đến Điểm d Khoản này được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định gửi hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến Văn phòng UBND tỉnh theo quy định sau:

a) Trường hợp dự thảo quyết định được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xem xét, thông qua bằng phương thức thảo luận, xem xét, thông qua phiên họp UBND tỉnh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 24 của Quy chế này: Cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Văn phòng UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên họp UBND tỉnh.

b) Trường hợp dự thảo quyết định được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xem xét, thông qua bằng phương thức gửi hồ sơ dự thảo quyết định xin ý kiến biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 24 của Quy chế này: Cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Văn phòng UBND tỉnh sau khi đã có đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ dự thảo quyết định quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này do cơ quan chủ trì soạn thảo gửi đến; kiểm tra tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ dự thảo quyết định và xử lý như sau:

a) Đối với dự thảo quyết định phải xem xét, thông qua tại phiên họp UBND tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh xử lý như đối với xử lý hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Quy chế này.

Riêng đối với trường hợp hồ sơ dự thảo quyết định không có tài liệu quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này do cơ quan soạn thảo chưa gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này: Văn phòng UBND tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để đưa ra khỏi chương trình phiên họp UBND.

Văn phòng UBND tỉnh trả lại hồ sơ dự thảo quyết định để cơ quan soạn thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định để trình UBND tỉnh vào phiên họp kế tiếp.

b) Đối với dự thảo quyết định được xem xét, thông qua bằng phương thức lấy phiếu ý kiến của các thành viên UBND tỉnh

Trường hợp hồ sơ dự thảo quyết định đã đầy đủ, hợp pháp: Văn phòng UBND tỉnh thông báo đề cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến thành viên UBND tỉnh để lấy ý kiến. Trường hợp hồ sơ dự thảo quyết định còn thiếu tài liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều này: Văn phòng UBND tỉnh yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để lấy ý kiến. Riêng đối với trường hợp hồ sơ dự thảo quyết định không có tài liệu quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này do cơ quan soạn thảo chưa gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này: Văn phòng UBND tỉnh trả lại hồ sơ dự thảo quyết định để cơ quan soạn thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định để trình UBND tỉnh.

Điều 28. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định, trình ký, phát hành văn bản

1. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định được thực hiện như sau:

a) Trường hợp dự thảo quyết định được xem xét, thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh: Trình tự xem xét, thông qua được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 132 của Luật;

b) Trường hợp dự thảo quyết định được xem xét, thông qua bằng phương thức gửi hồ sơ dự thảo quyết định để xin ý kiến biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo quyết định do cơ quan chủ trì soạn thảo gửi đến, các thành viên UBND tỉnh xem xét, gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản đến cơ quan chủ trì soạn thảo.

Ý kiến biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh phải thể hiện rõ tán thành hoặc không tán thành với nội dung dự thảo văn bản, các nội dung cần sửa đổi, bổ sung và nêu rõ lý do.

2. Căn cứ kết quả thảo luận, thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp UBND tỉnh hoặc kết quả ý kiến biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh, trường hợp dự thảo quyết định đã được qua nửa tổng số thành viên UBND tỉnh nhất trí thông qua theo quy định của pháp luật thì cơ quan soạn thảo dự thảo quyết định chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo quyết định để Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

3. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan soạn thảo phát hành Quyết định đã được Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành đến địa chỉ nơi nhận đảm bảo kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật, bao gồm: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra; cơ quan có trách nhiệm đăng Công báo, đăng tải, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu

quốc gia về pháp luật và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan, tùy thuộc vào nội dung văn bản.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh do ngân sách nhà nước cấp và được phân bổ trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh và xây dựng quyết định của UBND tỉnh Lai Châu thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; nội dung và mức chi cho các hoạt động liên quan đến xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh và xây dựng quyết định của UBND tỉnh thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp các văn bản quy định về kinh phí nêu trên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi ngành, địa phương mình. Khi được giao soạn thảo dự thảo quyết định đề tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc soạn thảo dự thảo nghị quyết để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định về trình tự, thủ tục lập đề nghị, soạn thảo, lấy ý kiến tham gia, thẩm định, thẩm tra và các quy định khác có liên quan của Luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này, trường hợp chậm trễ, không tham mưu hoặc tham mưu không đúng quy định dẫn đến hậu quả xảy ra sẽ bị xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý Cổng thông tin điện tử của tỉnh chỉ đạo việc đăng tải hồ sơ dự thảo nghị quyết và hồ sơ dự thảo quyết định do các cơ quan, đơn vị soạn thảo chuyển đến lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng HĐND tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ

quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Thực hiện đăng tải, cập nhật kịp thời, đầy đủ các nghị quyết do HĐND tỉnh Lai Châu ban hành và các quyết định do UBND tỉnh Lai Châu ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định của Luật, Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Kong Thanh Hải

BIỂU MẪU

(Kèm theo Quyết định số: **30** /2018/QĐ-UBND ngày **31** tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Lai Châu)

Mẫu số 01. Đề xuất của các cơ quan chuyên môn về Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

UBND TỈNH LAI CHÂU

SỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DANH MỤC

Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết ¹.....

(Kèm theo Công văn số ngày... tháng... năm... của Sở....)

Số TT	Tên loại văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung, điều, khoản được giao ²	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Dự kiến thời gian trình UBND ³	Ghi chú
1	Quyết định						
2	Quyết định						
...	...						

¹ Ghi rõ tên văn bản giao quy định chi tiết là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

² Ghi rõ: Điều, khoản của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho UBND tỉnh

³ Cơ quan đề xuất cần xác định cụ thể thời gian dự kiến trình UBND tỉnh.

Mẫu số 02. Đề xuất của các cơ quan chuyên môn về Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

UBND TỈNH LAI CHÂU

SỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DANH MỤC

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết ¹.....

(Kèm theo Công văn số ngày... tháng... năm... của Sở....)

Số TT	Tên loại văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung, điều, khoản được giao ²	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Dự kiến thời gian trình ³		Ghi chú
						Trình UBND	Trình HĐND	
1	Nghị quyết					Phiên họp tháng...	Kỳ họp tháng...	
2	Nghị quyết					Phiên họp tháng...	Kỳ họp tháng...	
...	...							

¹ Ghi rõ tên văn bản giao quy định chi tiết là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

² Ghi rõ: Điều, khoản của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho HĐND tỉnh.

³ Cơ quan đề xuất cần xác định cụ thể thời gian dự kiến trình UBND tỉnh và thời gian trình HĐND tỉnh.

Mẫu số 03. Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết ¹.....

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày tháng năm 20...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Số TT	Tên loại văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung, điều, khoản được giao ²	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian trình UBND ³	Ghi chú
3	Quyết định						
4	Quyết định						
...	...						

¹ Ghi rõ tên văn bản giao quy định chi tiết là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

² Ghi rõ: Điều, khoản của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho UBND tỉnh.

³ Sơ Tư pháp tổng hợp trên cơ sở đề xuất của các cơ quan.

Mẫu số 04. Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết¹.....

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐND ngày.... tháng... năm 20...
của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Số TT	Tên loại văn bản	Tên gọi của văn bản	Nội dung, điều, khoản được giao ²	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian trình HĐND tỉnh ³	Ghi chú
3	Nghị quyết					Kỳ họp tháng...	
4	Nghị quyết					Kỳ họp tháng...	

¹ Ghi rõ tên văn bản giao quy định chi tiết là luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

² Ghi rõ: Điều, khoản của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước giao cho HĐND tỉnh.

³ Số Tư pháp phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trên cơ sở đề xuất của các cơ quan.

Mẫu số 05. Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết gửi Ủy ban nhân dân tỉnh

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỐ..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...(2)...

Lai Châu., ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(3)..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở...(1)... đã tổ chức lập đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(3).., kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích
2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi Điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Chính sách 1:
 - Mục tiêu của chính sách
 - Nội dung của chính sách
 - Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn
2. Chính sách 2:
 - Mục tiêu của chính sách
 - Nội dung của chính sách
 - Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

....

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC
THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH.

1. Thời gian dự kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh: phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh tháng năm.....;

2. Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh: kỳ họp thường kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh tháng Năm.....

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(3)..., Sở...(1)... xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đề trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu..... (4).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;

-

-

- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề nghị xây dựng Nghị quyết.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan đề nghị xây dựng Nghị quyết.

(3) Tên gọi nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(4) Các tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Quy chế

Mẫu số 06. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỐ..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-...(2)...

Lai Châu, ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
(đề nghị xây Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

Phần này nêu rõ bối cảnh xây dựng báo cáo đánh giá tác động, trong đó mô tả vấn đề bất cập tổng quan cần giải quyết và Mục tiêu chung của chính sách.

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

II. Đánh giá tác động của chính sách

Phần này liệt kê từng vấn đề chính sách cụ thể cần giải quyết. Việc phân tích mỗi vấn đề chính sách bao gồm các nội dung: xác định vấn đề bất cập (mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích các bất cập, hậu quả, nguyên nhân); Mục tiêu để giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất (trong đó bắt buộc phải có giải pháp giữ nguyên hiện trạng); đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực (lợi ích), tiêu cực (chi phí) của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp); kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

1. Chính sách 1:

1.1. Xác định vấn đề bất cập

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

2. Chính sách 2:

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

3. Chính sách 3:

3.1. Xác định vấn đề bất cập

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

.....

III. Giám sát và đánh giá

Phần này nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách.

IV. Phụ lục

Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;

.....;

.....;

- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề nghị xây dựng Nghị quyết.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan đề nghị xây dựng Nghị quyết.

(3) Tên gọi nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mẫu số 07. Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh
gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr- UBND

Lai Châu., ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH
Đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(1)..

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan lập đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(1).., đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét, quyết định đưa vào chương trình họp Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích
2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi Điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Chính sách 1:
 - Mục tiêu của chính sách
 - Nội dung của chính sách
 - Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn
2. Chính sách 2:
 - Mục tiêu của chính sách
 - Nội dung của chính sách
 - Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

....

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC
THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH.

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh: kỳ họp thường kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu tháng năm.....

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(1)../, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét, quyết định đưa vào chương trình họp Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ.... Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa/.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu..... (2).

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;

-

-

- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Ghi chú:

(1) Tên gọi nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(2) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Quy chế

Mẫu số 08. Tờ trình của cơ quan soạn thảo dự thảo nghị quyết gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỐ..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr -...(2)...

Lai Châu, ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết ...(3)..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Quyết định số .../QĐ-HĐND ngày ... tháng năm ... của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(3).., thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở...(1)... đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết ...(3).., cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

2. Quan điểm chỉ đạo

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Sở...(1)... chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết ...(3)..,

Dự thảo Nghị quyết ...(3).. đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến tham gia của ...(4) theo văn bản số.....ngày...tháng... năm... của Sở ...(1)... Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở...(1)... gửi Sở Thông tin truyền thông đăng tải lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm... và Sở ...(1)... cũng đã đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở ...(1)... tại địa chỉ:.....từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm....

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở ...(1)... đã rà soát để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết ...(3)... để gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số.../BC-STP ngày ...tháng... năm..., trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở ...(1)... đã rà soát để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết ...(3)...

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

2. Nội dung cơ bản

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình của Sở...(1)... về dự thảo Nghị quyết ...(3)..., Sở...(1)... xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét, quyết định, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành./.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu..... (5).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan soạn thảo nghị quyết
- (2) Chữ viết tắt của cơ quan soạn thảo nghị quyết
- (3) Tên gọi của dự thảo nghị quyết.
- (4) Tên các cơ quan được lấy ý kiến quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Quy chế.
- (5) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Quy chế.

Mẫu số 09. Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết gửi Hội đồng nhân dân tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr- UBND

Lai Châu., ngày ... tháng ... năm 20...

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết ...(1)..

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện Quyết định số .../QĐ-HĐND ngày ... tháng năm ... của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết ...(1).., Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã giao Sở...(2)... chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết ...(1).., cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

2. Quan điểm chỉ đạo

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

Sau khi đề nghị xây dựng nghị quyết ...(1).., được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu thông qua tại Quyết định số .../QĐ-HĐND ngày ... tháng năm ... , Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã giao cho Sở...(2)... chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết ...(1).. ,

Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến tham gia của(3). Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm... và trên Trang thông tin điện tử của Sở ...(2)... tại địa chỉ:.....từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm.... Đồng thời, dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số..../BC-STP ngày ...tháng... năm...

Dự thảo Nghị quyết ...(1).. đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày...tháng... năm...

IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bộ cục

2. Nội dung cơ bản

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết.....(1), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu..... (4).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
-
- Lưu: VT, Sở...(2).....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Ghi chú:

- (1) Tên gọi của dự thảo nghị quyết.
- (2) Tên cơ quan soạn thảo nghị quyết
- (3) Tên các cơ quan được lấy ý kiến quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Quy chế.
- (4) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Quy chế.

Mẫu số 10. Tờ trình dự thảo quyết định gửi Ủy ban nhân dân tỉnh

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr -...(2)...

Lai Châu, ngày tháng năm 20...

TỜ TRÌNH
Dự thảo Quyết định ...(3)..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở...(1)... đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Quyết định ...(3).., cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

2. Quan điểm chỉ đạo

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Sở...(1)... chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Quyết định...(3)..,

Dự thảo Quyết định...(3).. đã được Sở...(1)... tổ chức lấy ý kiến tham gia của(4) theo văn bản số.....ngày...tháng... năm... của Sở...(1)... Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Quyết định đã được Sở...(1)... gửi Sở Thông tin truyền thông đăng tải lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm... và Sở...(1)... cũng đã đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở...(1)... tại địa chỉ:.....từ ngày...tháng... năm... đến ngày...tháng... năm....

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở...(1)... đã rà soát để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định...(3)... để gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số.../BC-STP ngày ...tháng... năm..., trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở...(1)... đã rà soát để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định...(3)...

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

2. Nội dung cơ bản

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình của Sở...(1)... về dự thảo Quyết định ...(3)..., Sở...(1)... xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu..... (5) và kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan soạn thảo quyết định
- (2) Chữ viết tắt của cơ quan soạn thảo quyết định.
- (3) Tên gọi của dự thảo quyết định.
- (4) Tên các cơ quan được lấy ý kiến quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Quy chế.
- (5) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Quy chế.